TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19-6-2023
Về: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vòng Quốc Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà***: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 87/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số:/2023/QĐST-HPT ngày 14-6-2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Bà Nguyễn Xuân N, sinh năm 1991; địa chỉ: Số E tổ E, ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Ông Đặng Đình T, sinh năm 1990; địa chỉ: D, Tổ A ấp H, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 3 năm 2023 và quá trình tố tụng tại tòa bà Nguyễn Xuân N *trình bày:* Bà N và ông Đạng Đình T1 tự nguyện sống chung vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại Tổ E ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Ông T1 không có trách nhiệm đối với gia đình, không quan tâm đến vợ con, luôn đi theo những thú vui bên ngoài xã hội dẫn đến vợ chồng hay cãi vả nhau. Do vậy, từ năm 2020 cho đến nay ông T1 đã về nhà cha mẹ ông tại ấp H xã P, huyện L sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay bà N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: có 01 con Đặng Đình K, sinh ngày 08-8-2013. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý Toà án đã triệu tập ông T1 đến Tòa để giải quyết ly hôn nhưng ông T1 nhiều lần vắng mặt không có lý do nên không xác định rõ yêu cầu.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ Thẩm phán và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn không tuân theo quy định của pháp luật.

Tại phiên xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn tuân theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, quá trình tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Xuân N yêu cầu ly hôn ông Đặng Đình T, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T hiện đang sinh sống tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đặng Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Xuân N và ông Đặng Đình T sống chung từ năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N xác nhận: Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do ông T không có trách nhiệm đến gia đình, không quan tâm đến vợ con dẫn đến việc vợ chồng tự sống ly thân đến nay. Nay bà N nhận thấy không còn tình cảm đối với ông T nên yêu cầu được ly hôn. Về phía ông T, mặc dù đã được Tòa án thông báo đến Tòa để giải quyết ly hôn nhưng không có ý kiến phản hồi, chứng tỏ ông T không muốn duy trì cuộc sống chung với bà N, trên thực tế thì vợ chồng tự sống ly thân nhau. Xét thấy, hôn nhân của 2 người lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu ly hôn có cơ sở, xét chấp nhận.

[2.2] Xét về con chung: Từ sau khi sống ly thân đến nay bà N là người nuôi con, hơn nữa nguyện vọng con chung muốn sống cùng bà N. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung nên giao quyền nuôi dưỡng cho bà N. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Sau này bà N ông T có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Ông T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 19, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Xuân N đối với ông Đặng Đình T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Xuân N được ly hôn ông Đặng Đình T.

- Về con chung: Giao con chung Đặng Đình K, sinh ngày 08-8-2013 cho bà N nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Xuân N nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009495 ngày 27-3-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền. Bà N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT;
- Viện kiểm sát ND H.Long Điền;
- Thi hành án dân sự H.Long Điền;
- UBND xã Phước hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc